

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc chấp hành các quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế; công tác quản lý, sử dụng thuốc, hóa chất, vắc xin, thiết bị y tế tại Phòng khám Đa khoa Đại Lộc

Thực hiện Quyết định thanh tra số 122/QĐ-TTr ngày 30/3/2026 của Chánh Thanh tra tỉnh Quảng Trị về việc thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật trong khám bệnh, chữa bệnh (KBCB); khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế (KBCB BHYT); công tác quản lý sử dụng thuốc, hóa chất, vắc xin và thiết bị y tế tại các cơ sở thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Sở Y tế, từ ngày 16/4/2026 đến ngày 11/6/2026, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Phòng khám Đa khoa Đại Lộc.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 02/BC-ĐTT ngày 08/7/2026 của Trưởng Đoàn thanh tra, báo cáo kết quả thẩm định dự thảo Kết luận thanh tra số 162/BC-NV2 ngày 24/7/2026 của Phòng Giám sát, thẩm định và xử lý kết quả sau thanh tra, Chánh Thanh tra tỉnh kết luận thanh tra như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Phòng khám Đa khoa Đại Lộc (sau đây gọi là Phòng khám) thuộc Công ty cổ phần Phòng khám đa khoa Đại Lộc; có địa chỉ tại thôn Dương Đại Thuận, xã Triệu Bình, tỉnh Quảng Trị.

Phòng khám được Sở Y tế tỉnh Quảng Trị cấp Giấy phép hoạt động KBCB với hình thức tổ chức là phòng khám đa khoa; người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật là Bác sĩ Chuyên khoa I (CKI) Nguyễn Chí Khanh. Phòng khám được Sở Y tế phê duyệt thực hiện 252 danh mục kỹ thuật.

Trên cơ sở danh mục kỹ thuật đã được Sở Y tế phê duyệt, Phòng khám triển khai thực hiện các dịch vụ kỹ thuật theo phạm vi được cấp phép, xây dựng quy trình kỹ thuật theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế và niêm yết công khai giá dịch vụ KBCB để người bệnh biết và lựa chọn. Phòng khám được xếp cấp chuyên môn kỹ thuật là cấp KBCB ban đầu.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Việc chấp hành các quy định về thủ tục pháp lý, nhân sự, cơ sở vật chất, Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ (PCCC và CNCH)

Công ty cổ phần Phòng khám đa khoa Đại Lộc được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị (cũ) cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 3200731186, đăng ký lần đầu ngày 06/7/2022, thay

đổi lần 1 ngày 27/11/2023¹ và Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, mã số địa điểm kinh doanh: 00001. Phòng khám được Sở Y tế tỉnh Quảng Trị (cũ) cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 572/QT-GPHĐ; được Sở Y tế tỉnh Quảng Trị cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 572/QT-GPHĐ ngày 28/7/2025.

Cơ cấu tổ chức của Phòng khám gồm Giám đốc và 01 Phó Giám đốc; các bộ phận chuyên môn: Bộ phận lâm sàng²; Bộ phận cận lâm sàng³. Phó Giám đốc kiêm Trưởng Phòng khám đồng thời là người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của phòng khám. Phòng khám có 28 nhân sự, trong đó có 25 người đăng ký hành nghề khám bệnh, chữa bệnh⁴ và 03 nhân sự khác⁵. Hồ sơ nhân sự chưa cập nhật thường xuyên, lưu trữ chưa khoa học.

Phòng khám có đủ phòng và đảm bảo diện tích cho các bộ phận chuyên môn⁶. Các bộ phận chuyên môn đều được bố trí nhân sự phụ trách.

Phòng khám đã xây dựng và thực hiện phương án PCCC và CNCH; đồng thời thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện PCCC và CNCH theo quy định.

2. Việc thực hiện chính sách, pháp luật khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế

2.1. Về Hợp đồng khám bệnh chữa bệnh bảo hiểm y tế (BHYT)

Công ty cổ phần Phòng khám đa khoa Đại Lộc ký hợp đồng với cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Trị và triển khai khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế (KBCB BHYT) tại Phòng khám Đa khoa Đại Lộc từ ngày 01/4/2024 đến nay. Năm 2025 và quý I/2026⁷, phòng khám đã ký kết, điều chỉnh và thực hiện liên tục các hợp đồng KBCB BHYT với cơ quan Bảo hiểm xã hội (BHXH) theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện, hai bên cơ bản thực hiện theo các điều khoản đã ký kết. Hằng quý, cơ quan BHXH giám định chi phí KBCB

¹ Lý do: bổ sung "tên công ty viết tắt".

² Phòng khám Nội; Phòng khám Ngoại và Phòng khám sản.

³ Phòng Chẩn đoán hình ảnh và Phòng Xét nghiệm.

⁴ Bác sĩ: 11; điều dưỡng viên: 06; dược sĩ: 02; kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh: 01; kỹ thuật viên xét nghiệm: 03; y sĩ: 02.

⁵ 02 kế toán và 01 nhân viên vệ sinh.

⁶ Đặt tại căn nhà 2 tầng tại Thôn Dương Đại Thuận, xã Triệu Thuận, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; trên thửa đất số 442, tờ bản đồ số 13, diện tích đất được giao 286m².

⁷ Ngày 30/12/2024, BHXH tỉnh Quảng Trị và Công ty cổ phần Phòng khám đa khoa Đại Lộc ký Hợp đồng KBCB BHYT năm 2025 số 13/HĐKCB-BHYT theo mẫu 07 của Nghị định số 75/2023/NĐ-CP.

Ngày 01/6/2025, BHXH Khu vực XVI (Quảng Bình - Quảng Trị) và Công ty cổ phần Phòng khám đa khoa Đại Lộc ký Hợp đồng KBCB BHYT năm 2025 số 64/HĐKCB-BHYT; hai bên tiếp tục thực hiện Hợp đồng số 13/HĐKCB-BHYT đã ký ngày 30/12/2024.

Ngày 20/7/2025, BHXH tỉnh Quảng Trị và Công ty cổ phần Phòng khám đa khoa Đại Lộc ký Phụ lục Hợp đồng KBCB BHYT năm 2025 theo mẫu 05 của Nghị định số 188/2025/NĐ-CP; thay đổi tên bên A từ BHXH Khu vực XVI thành BHXH tỉnh Quảng Trị; bên B thay đổi địa chỉ nhưng không thay đổi địa điểm, từ xã Triệu Thuận tỉnh Quảng Trị thành xã Triệu Bình tỉnh Quảng Trị.

Ngày 31/12/2025, BHXH cơ sở Đông Hà và Công ty cổ phần Phòng khám đa khoa Đại Lộc ký Hợp đồng KBCB BHYT năm 2026 số 06/HĐKCB-BHYT theo mẫu 05 của Nghị định số 188/2025/NĐ-CP.

BHYT mà đơn vị đề nghị thanh toán. Những chi phí không đúng đã được cơ quan BHXH từ chối thanh toán tại kỳ quyết toán.

2.2. Về tạm ứng kinh phí KBCB và thanh, quyết toán chi phí KBCB BHYT

Trong quý I và quý II năm 2025, cơ quan BHXH thực hiện việc tạm ứng một lần 80% trên cơ sở số liệu báo cáo đề nghị quyết toán quý trước liền kề của đơn vị theo quy định của Luật BHYT sửa đổi năm 2014. Quý III và quý IV năm 2025, cơ quan BHXH thực hiện việc tạm ứng một lần 90% trên cơ sở số liệu báo cáo đề nghị quyết toán quý trước liền kề của đơn vị theo quy định của Luật BHYT sửa đổi năm 2024. Việc chuyển tạm ứng kinh phí KBCB BHYT hằng quý thực hiện đúng thời gian, đúng tỷ lệ tạm ứng kinh phí KBCB BHYT theo quy định của Luật BHYT (*Số liệu chi tiết tại phụ lục 2 đính kèm*).

2.3. Về thanh toán chi phí vượt dự kiến chi năm 2025

Năm 2025, số dự kiến chi KBCB BHYT được BHXH tỉnh phân bổ cho phòng khám là 2.097.706.256 đồng. Phòng khám Đa khoa Đại Lộc đề nghị thanh quyết toán 2.238.372.356 đồng. Số chi phí BHXH giám định và chấp nhận thanh toán 2.234.869.147 đồng, vượt dự kiến chi 137.162.891 đồng. Phòng khám đã có Tờ trình số 07/TTr-PK ngày 15/3/2026 giải trình nguyên nhân vượt dự kiến chi năm 2025⁸; đến thời điểm thanh tra, BHXH tỉnh và Sở Y tế đã tiến hành rà soát, thẩm định, xác định chi phí vượt dự kiến chi KBCB BHYT được quỹ BHYT thanh toán năm 2025 với số tiền 121.427.531 đồng. Việc thanh toán chi phí vượt dự kiến chi KBCB BHYT năm 2025 sẽ được thực hiện trước ngày 01/10/2026 theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 32 Luật BHYT sửa đổi năm 2024. Năm 2026, số dự kiến chi KBCB BHYT được BHXH tỉnh phân bổ cho phòng khám là 2.153.000.000 đồng. Quý I/2026, cơ quan BHXH thực hiện việc tạm ứng một lần 90% là 532.000.000 đồng. Phòng khám đề nghị thanh quyết toán là 608.275.460 đồng.

2.4. Về từ chối thanh toán chi phí KBCB BHYT

Năm 2025, cơ quan BHXH từ chối thanh toán chi phí KBCB BHYT tại cơ sở là 3.572.750 đồng. Đối với toàn bộ chi phí từ chối thanh toán, Phòng khám đã chấp nhận kết quả giám định của cơ quan BHXH. Quý I/2026, phòng khám đề nghị thanh toán chi phí KBCB BHYT số tiền 608.275.460 đồng.

Một số nguyên nhân cơ quan BHXH từ chối thanh toán:

- Về thuốc: Việc cập nhật các quy định mới chưa kịp thời dẫn đến chỉ định thuốc ngoài giới hạn thanh toán của Bộ Y tế như: Caldihasan, Savprocal D ... trên những bệnh nhân có chẩn đoán sỏi thận.
- Về Dịch vụ kỹ thuật (DVKT): Thời gian trả kết quả DVKT cận lâm sàng (Xét nghiệm, chụp X-quang, siêu âm...) sau thời gian bệnh nhân ra viện, chưa

⁸ Về việc đề nghị thanh toán theo hướng dẫn tại Quyết định số 582/QĐ-BYT ngày 09/3/2026 của Bộ Y tế về việc ban hành tài liệu hướng dẫn lập dự kiến chi, điều chỉnh dự kiến chi KBCB BHYT và việc xác định số chi KBCB BHYT vượt dự kiến chi được Quỹ Bảo hiểm y tế thanh toán.

phù hợp với quy định tại điểm 2.6 khoản 2 Điều 21 Quyết định số 3618/QĐ-BHXH ngày 12/12/2022 của BHXH Việt Nam. Nhân viên phòng khám nghỉ ốm vẫn phát sinh chi phí khám chữa bệnh trên hệ thống. Một số nhân viên y tế chưa thành thạo trong việc thao tác trên phần mềm HIS dẫn đến việc nhầm lẫn giữa các tài khoản của các bác sĩ. (Số liệu chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo).

2.5. Về tỷ trọng các nhóm chi phí KBCB BHYT

Năm 2025, tổng số lượt khám BHYT là 12.225 lượt. Trong đó số lượt khám của bệnh nhân khám chữa bệnh ban đầu là 985 lượt (chiếm 8,1%), bệnh nhân đa tuyến đến là 11.240 lượt (chiếm 91,9%). Tỷ trọng chi phí đã thực hiện năm 2025: xét nghiệm chiếm 21,63%; chẩn đoán hình ảnh và thăm dò chức năng chiếm 28,23%; thủ thuật, phẫu thuật chiếm 0,53%; thuốc, dịch truyền chiếm 29,76%; khám bệnh chiếm 19,85%.

Quý I năm 2026, tổng số lượt khám BHYT là 3.112 lượt. Tỷ trọng chi phí đã thực hiện Quý I năm 2026; dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm chiếm 23,66%; chẩn đoán hình ảnh và thăm dò chức năng chiếm 26,91%; thủ thuật, phẫu thuật chiếm 0,53%; thuốc, dịch truyền chiếm 30,4%; khám bệnh chiếm 18,5% (Bảng 2, phụ lục 1 kèm theo).

2.6. Việc cung ứng thuốc, hóa chất để thực hiện dịch vụ kỹ thuật (DVKT)

Đối chiếu số lượng mua vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm để thực hiện các DVKT⁹ có chi phí thanh toán quỹ BHYT nhiều nhất trong Quý III/2025 với bảng cân đối nhập - xuất - tồn và hóa đơn tài chính cho thấy số liệu phù hợp.

Đối chiếu hóa đơn mua 05 loại thuốc¹⁰ có chi phí thanh toán quỹ BHYT nhiều nhất trong Quý II/2025 với bảng cân đối nhập - xuất - tồn và hóa đơn tài chính, kết quả cho thấy số liệu phù hợp. Việc mua sắm các thuốc nêu trên để phục vụ KBCB BHYT trong Quý II/2025 được Phòng khám thực hiện trên cơ sở áp dụng kết quả đấu thầu tập trung tại Sở Y tế tỉnh Quảng Trị; số lượng thuốc mua phù hợp với hóa đơn tài chính.

2.7. Về ứng dụng công nghệ thông tin trong khám bệnh chữa bệnh BHYT

Phòng khám đã ứng dụng công nghệ thông tin 100% ngay từ khâu đón tiếp người bệnh và tra cứu thẻ BHYT bằng thẻ căn cước công dân gắn chip hoặc ứng dụng VSSID của cơ quan BHXH. Việc chỉ định thực hiện cận lâm sàng, thủ thuật, kê đơn thuốc, cấp phát thuốc, sử dụng vật tư tiêu hao, thanh toán thông qua phần mềm HIS của VNPT cung cấp.

⁹ hóa chất xét nghiệm Tổng phân tích tế bào máu, ĐO HOẠT ĐỘ ALT (GPT) [MÁU], ĐO HOẠT ĐỘ AST (GOT) [MÁU], Định lượng Glucose (máu).

¹⁰ TOTCAL SOFT CAPSULE, DƯỠNG CỐT KHẢI HÀ, METFORMIN STELLA 850 MG, CEFTANIR, LOVASTATIN 20MG

Công tác quản lý và trích chuyển dữ liệu trong KBCB theo Quyết định số 3176/QĐ-BYT ngày 29/10/2024 của Bộ Y tế¹¹. Thời điểm trích chuyển và phản hồi dữ liệu điện tử để phục vụ quản lý KBCB BHYT thực hiện theo quy định tại Thông tư số 48/2017/TT-BYT. Việc mã hóa, ánh xạ các dịch vụ y tế (DVKT, thuốc,...) đưa lên cổng tiếp nhận của Hệ thống thông tin giám định BHYT của BHXH Việt Nam theo quy định, đáp ứng yêu cầu về giám định và thanh toán chi phí KBCB BHYT.

3. Việc thực hiện chính sách, pháp luật khám bệnh, chữa bệnh

3.1. Về khám bệnh, chữa bệnh

Năm 2025: tổng số lượt khám bệnh ngoại trú là 14.748 lượt. Quý I năm 2026: tổng số lượt khám bệnh ngoại trú là 3.679 lượt.

Năm 2025: Thực hiện 116 lượt thủ thuật, tỷ lệ 0,79%. Quý I năm 2026: Thực hiện 14 lượt thủ thuật, tỷ lệ 0,38%.

Năm 2025: Có 435 lượt bệnh nhân chuyển tuyến/tổng lượt khám 14.748, tỷ lệ là 2,95 %. Quý I năm 2026: có 166 lượt bệnh nhân chuyển tuyến/tổng lượt khám là 3.679; tỷ lệ 4,51%.

Phòng khám đã xây dựng quy chế chuyên môn; ban hành 252 quy trình kỹ thuật theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế¹². Phòng khám thực hiện niêm yết công khai giá các dịch vụ kỹ thuật theo quy định.

Phòng khám đã thực hiện việc lập bảng kê chi phí khám bệnh, kê đơn thuốc trên phần mềm và in ra ký, giao cho người bệnh cũng như lưu trữ theo quy định; thông tin rõ ràng, dễ hiểu. Bố trí phòng riêng để bảo quản lưu trữ hồ sơ và sắp xếp khoa học, có bố trí giá kê, tài liệu sắp xếp theo ngày, tháng, đánh số thứ tự đúng quy định.

Phòng khám đã ban hành Quy trình cấp phát thuốc, bán thuốc để thực hiện cấp phát thuốc ngoại trú tại cơ sở; đã bố trí khu vực cấp phát thuốc BHYT. Đơn thuốc và thuốc chỉ định cho người bệnh phù hợp với chẩn đoán. Bác sĩ kê đơn thuốc có giấy phép hành nghề; chưa phát hiện có đơn thuốc kê thực phẩm chức năng, mỹ phẩm hay các chất không có tác dụng phòng, chữa bệnh. Bố trí hộp thuốc cấp cứu phản vệ có đủ số lượng, chủng loại, các thuốc, vật tư y tế còn hạn sử dụng đảm bảo theo quy định tại Điều 5 Thông tư 51/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn phòng, chẩn đoán và xử trí phản vệ.

Thủ tục hành chính tại mục thông tin chủ quản của các biểu mẫu điều ghi “Sở Y tế” là chưa đúng (Phòng khám đa khoa Đại Lộc là đơn vị thuộc Công ty cổ phần Phòng khám đa khoa Đại Lộc). Một số biểu mẫu chưa thực hiện đúng mẫu theo Quyết định số 6556/QĐ-BYT ngày 30/10/2018 của Bộ Y tế.

¹¹ về việc sửa đổi bổ sung Quyết định số 4750/QĐ-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung Quyết định số 130/QĐ-BYT ngày 18 tháng 01 năm 2023 quy định chuẩn và định dạng dữ liệu đầu ra phục vụ việc quản lý, giám định, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh và giải quyết các chế độ liên quan.

¹² Gồm các lĩnh vực Nội khoa, Ngoại khoa, Sản khoa, Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh.

Một số đơn thuốc ngoại trú cài đặt phần mềm còn thiếu các thông tin về hàm lượng, liều dùng, cách dùng, thời gian dùng thuốc điều trị, số điện thoại liên hệ, họ tên bố/mẹ hoặc người đưa trẻ đến khám theo Phụ lục 1 Thông tư số 04/2022/TT-BYT.

Việc chuyển người bệnh giữa các cơ sở KBCB được thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BYT quy định việc chuyển tuyến giữa cơ sở KBCB và Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế và các văn bản liên quan.

3.2. Việc phê duyệt và thực hiện Danh mục kỹ thuật (DMKT)

Phòng khám đa khoa Đại Lộc được Sở Y tế phê duyệt tổng số 252¹³ DMKT. Phòng khám thực hiện 188/252 DMKT KBCB được phê duyệt. Phòng khám chưa triển khai thực hiện danh mục kỹ thuật Xét nghiệm vi sinh đã được Sở Y tế phê duyệt do chưa bảo đảm cơ sở vật chất và trang thiết bị y tế theo điều kiện hoạt động của phòng khám đa khoa quy định tại điểm c khoản 4 Điều 40 và Điều 42 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP¹⁴ ngày 30/12/2023 của Chính phủ. Đề nghị phòng khám giảm DMKT theo quy định.

3.3. Công tác xét nghiệm

Phòng khám có bản công bố phòng xét nghiệm đạt chuẩn an toàn sinh học cấp I do người chịu trách nhiệm chuyên môn công bố được Sở Y tế Quảng Trị (cũ) tiếp nhận và công bố cơ sở đủ điều kiện an toàn sinh học cấp I trên trang thông tin điện tử <https://syt.quangtri.gov.vn/> của Sở Y tế¹⁵.

Phòng xét nghiệm có biển báo nguy hiểm, quy định ra vào phòng xét nghiệm, bàn tiếp nhận mẫu, khu vực rửa tay, hệ thống thu gom và xử lý nước thải riêng; Thiết bị xét nghiệm phù hợp với kỹ thuật xét nghiệm.

Phòng khám đã xây dựng, ban hành đầy đủ các quy trình chuyên môn phục vụ hoạt động xét nghiệm theo quy định¹⁶. Các thiết bị xét nghiệm được theo dõi hoạt động hằng ngày. Việc nội kiểm được thực hiện trước khi phân tích mẫu bệnh phẩm, có ghi chép kết quả, phiếu nội kiểm và báo cáo tổng hợp nội kiểm theo quy định.

Phòng khám chưa thực hiện ngoại kiểm xét nghiệm theo quy định tại Nghị định 103/2016/NĐ-CP; Thông tư 37/2017/TT-BYT và Thông tư 01/2013/TT-BYT.

3.4. Về xử lý chất thải y tế và Kiểm soát nhiễm khuẩn

¹³ Tại quyết định số 2602/QĐ-SYT ngày 20/10/2022 (221 Kỹ thuật); Quyết định số 537/QĐ-SYT ngày 22/08/2023 (21 Kỹ thuật) và Quyết định số 431/QĐ-SYT ngày 22/08/2023 ngày 15/12/2023 (10 Kỹ thuật).

¹⁴ Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

¹⁵ Về danh sách các cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 103/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm.

¹⁶ Gồm: quy trình thực hành chuẩn đối với kỹ thuật hóa sinh, kỹ thuật huyết học, kỹ thuật vi sinh; quy trình lấy mẫu, bảo quản mẫu, lưu mẫu và hủy mẫu, khử nhiễm, xử lý chất thải y tế, đánh giá, phòng ngừa và xử lý sự cố an toàn sinh học.

Phòng khám đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế với đơn vị¹⁷ có chức năng theo quy định của pháp luật. Chất thải y tế được phân loại, thu gom theo từng nhóm; chất thải lây nhiễm được thu gom từ nơi phát sinh về khu lưu giữ tối thiểu một lần/ngày. Khu vực lưu giữ chất thải y tế được bố trí riêng, có biển cảnh báo, mái che theo quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Nước thải y tế được phòng khám thu gom, khử khuẩn bằng hóa chất và xử lý theo hệ thống của cơ sở. Nhật ký vận hành, xử lý nước thải y tế được lưu giữ tại phòng khám theo quy định.

Phòng khám thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng năm về công tác quản lý chất thải y tế; lưu giữ đầy đủ hồ sơ quản lý chất thải y tế, sổ giao nhận chất thải y tế và theo dõi khối lượng chất thải lây nhiễm sắc nhọn, chất thải lây nhiễm không sắc nhọn theo quy định tại Phụ lục 06 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT của Bộ Y tế.

Phòng khám đã thành lập Tổ Kiểm soát nhiễm khuẩn và bố trí nhân sự thực hiện công tác kiểm soát nhiễm khuẩn theo quy định¹⁸. Cơ cấu tổ chức, nhân lực của Tổ Kiểm soát nhiễm khuẩn cơ bản phù hợp với quy mô hoạt động và yêu cầu thực tế. Phòng khám đã xây dựng, triển khai thực hiện các quy định, quy trình chuyên môn về kiểm soát nhiễm khuẩn; trang bị dung dịch sát khuẩn tay nhanh, phương tiện phòng hộ cá nhân và các điều kiện cần thiết phục vụ công tác kiểm soát nhiễm khuẩn trong quá trình khám bệnh, chữa bệnh. Việc quản lý, sử dụng trang thiết bị phục vụ công tác kiểm soát nhiễm khuẩn cơ bản được thực hiện theo quy định.

Việc phổ biến, cập nhật các quy định, hướng dẫn mới về kiểm soát nhiễm khuẩn cho nhân viên y tế chưa được thực hiện thường xuyên, chưa đảm bảo yêu cầu theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 16/2018/TT-BYT ngày 20/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

3.5. Việc thực hiện mua sắm, quản lý, sử dụng thuốc, hóa chất, vắc xin:

Hằng năm, Phòng khám xây dựng danh mục thuốc sử dụng trong KBCB BHYT và gửi cơ quan Bảo hiểm xã hội làm căn cứ thanh toán chi phí KBCB BHYT theo quy định¹⁹.

¹⁷ Hợp đồng với Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Trị tại Hợp đồng số 279/HĐXLR-BVĐK ngày 02/01/2025; Hợp đồng với Công ty TNHH Môi Trường Sông Công tại Hợp đồng số 0147/2026/HĐ/MTSC-CTCP ngày 19/01/2026 và Hợp đồng với Bệnh viện đa khoa khu vực Triệu Hải tại Hợp đồng số 212/2026/HĐ-BVTH ngày 18/5/2026.

¹⁸ Phòng khám đã ban hành Quyết định số 33/QĐ-PKĐK ngày 02/01/2024 về việc thành lập Tổ Kiểm soát nhiễm khuẩn kèm theo phân công nhiệm vụ và bố trí nhân sự thực hiện công tác kiểm soát nhiễm khuẩn tại phòng khám theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 16/2018/TT-BYT ngày 20/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở KBCB.

¹⁹ Việc xây dựng Danh mục thuốc KBCB BHYT được thực hiện theo Thông tư số 20/2022/TT-BYT ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Việc lựa chọn nhà thầu, mua sắm thuốc KBCB BHYT và đề nghị thanh toán chi phí thuốc BHYT được thực hiện theo quy định của pháp luật. Hồ sơ mua sắm thuốc có đầy đủ hợp đồng, chứng từ và hóa đơn theo quy định.

Tổng tiền mua thuốc KBCB các năm:

- Năm 2025: 844.121.310 đồng, gồm 114 loại thuốc tân dược.
- Quý I/2026: 121.733.680 đồng, gồm 110 loại thuốc tân dược.

Phòng khám có theo dõi, ghi chép sổ khi nhập thuốc và theo dõi trên máy tính; bố trí khu vực cấp phát thuốc BHYT riêng; trang bị phương tiện duy trì điều kiện bảo quản thuốc thông thường.

Phòng khám phân công cán bộ có trình độ phù hợp để theo dõi, quản lý các thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần tại tủ thuốc cấp cứu. Phân công dược sĩ phụ trách và xây dựng kế hoạch hoạt động được lâm sàng; có hồ sơ theo dõi phản ứng có hại của thuốc (ADR), báo cáo về Trung tâm Cảnh giác dược. Đối với thuốc phải kiểm soát đặc biệt, cơ sở có danh mục, mở sổ theo dõi nhập - xuất - tồn, bảo quản, cấp phát, sử dụng và hủy thuốc phải kiểm soát đặc biệt theo quy định.

Phòng khám chưa xây dựng quy trình kiểm nhập thuốc theo quy định tại Thông tư số 22/2011/TT-BYT. Một số đơn thuốc ngoại trú kê đơn thiếu một trong các thông tin về hàm lượng, liều dùng, cách dùng, thời gian dùng thuốc điều trị.

3.6. Về quản lý, sử dụng thiết bị y tế

Phòng khám đã có quyết định phân công nhiệm vụ quản lý thiết bị y tế cho nhân viên y tế để theo dõi, bảo quản theo quy định. Hồ sơ thiết bị y tế được quản lý, bảo quản dễ tra cứu. Việc mua sắm thiết bị y tế của Phòng khám được thực hiện thông qua việc ký hợp đồng mua sắm với các cơ sở đã công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế thuộc loại B, C, D.

Các thiết bị y tế của phòng khám được mua sau Nghị định 36/2016/NĐ-CP và Nghị định 98/2021/NĐ-CP có hiệu lực đều có đầy đủ hợp đồng, hóa đơn, CO, CQ và giấy phép lưu hành theo quy định.

Việc kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định tại Thông tư 03/2024/TT-BKHCN ngày 15/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. Các thiết bị đang sử dụng có mã hiệu, số seri, hãng sản xuất trùng khớp với hồ sơ lưu trữ.

3.7. Về an toàn bức xạ

Phòng khám đã được cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng X-quang chẩn đoán y tế): Giấy phép số 1712/GP-SKHHCN ngày 20/5/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị cấp; xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ ngày 10/01/2023. Ký hợp đồng với Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng Quảng Trị để thực hiện kiểm định, kiểm xạ các thiết bị phát tia X tại Phòng khám. Máy chụp X-Quang được Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng Quảng Trị. Phân công người phụ trách an toàn bức xạ, nhân viên phụ trách có chứng nhận Phụ trách an toàn bức xạ tại cơ sở do UBND tỉnh

Quảng Trị cấp, giấy chứng nhận đã tham gia và hoàn thành chương trình đào tạo an toàn bức xạ.

Tại phòng chụp X-quang đã niêm yết nội quy an toàn bức xạ, có biển cảnh báo bức xạ, quy trình vận hành thiết bị bức xạ, nhân viên bức xạ đeo liều kế theo quy định tại Thông tư số 59/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về bảo đảm an toàn bức xạ và ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân.

III. KẾT LUẬN

1. Ưu điểm

Phòng khám có đầy đủ hồ sơ pháp lý, cơ cấu tổ chức, cơ sở vật chất, nhân sự và các điều kiện hoạt động khám bệnh, chữa bệnh cơ bản đáp ứng quy định. Người hành nghề được bố trí phù hợp với phạm vi hành nghề và hoạt động chuyên môn được phê duyệt.

Hoạt động KBCB và KBCB BHYT cơ bản được thực hiện theo quy định; có ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, thanh toán và trích chuyển dữ liệu BHYT. Công tác quản lý thuốc, xét nghiệm, chất thải y tế, thiết bị y tế và an toàn bức xạ cơ bản đáp ứng yêu cầu theo quy định.

2. Tồn tại, hạn chế

2.1. Về nhân sự:

Hồ sơ nhân sự chưa cập nhật thường xuyên, lưu trữ chưa khoa học.

2.2. Việc thực hiện chính sách, pháp luật KBCB BHYT

Cập nhật các quy định mới chưa kịp thời dẫn đến chỉ định thuốc ngoài giới, phạm vi hạn thanh toán của Bộ Y tế. Một số nhân viên y tế chưa thành thạo trong việc thao tác trên phần mềm HIS dẫn đến việc nhầm lẫn giữa các tài khoản của các bác sĩ.

2.3. Việc thực hiện chính sách, pháp luật KBCB

Tại mục thông tin cơ quan chủ quản trên một số biểu mẫu ghi "Sở Y tế" là không đúng. Một số biểu mẫu chưa thực hiện đúng mẫu quy định tại Quyết định số 6556/QĐ-BYT ngày 30/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Một số đơn thuốc ngoại trú cài đặt phần mềm còn thiếu các thông tin về hàm lượng, liều dùng, cách dùng, thời gian dùng thuốc điều trị, số điện thoại liên hệ, họ tên bố/mẹ hoặc người đưa trẻ đến khám theo Phụ lục 1 Thông tư số 04/2022/TT-BYT.

2.4. Việc phê duyệt và thực hiện Danh mục kỹ thuật

Phòng khám chưa triển khai thực hiện danh mục kỹ thuật Xét nghiệm vi sinh đã được Sở Y tế phê duyệt do chưa bảo đảm cơ sở vật chất và trang thiết bị y tế theo điều kiện hoạt động của phòng khám đa khoa quy định tại điểm c khoản 4 Điều 40 và Điều 42 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

2.5. Xử lý chất thải y tế và Kiểm soát nhiễm khuẩn

Việc phổ biến, cập nhật các quy định, hướng dẫn mới về kiểm soát nhiễm khuẩn cho nhân viên y tế chưa được thực hiện thường xuyên, chưa đảm bảo yêu cầu duy trì theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 16/2018/TT-BYT ngày 20/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.6. Về mua sắm, quản lý, sử dụng thuốc

Phòng khám chưa xây dựng quy trình kiểm nhập thuốc theo quy định tại Thông tư số 22/2011/TT-BYT.

3. Nguyên nhân

Nguyên nhân khách quan: Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và hướng dẫn chuyên môn trong lĩnh vực KBCB, KBCB BHYT nhiều và thường xuyên sửa đổi, bổ sung; cần thời gian cập nhật vào quy trình nội bộ và phần mềm quản lý của các cơ sở.

Nguyên nhân chủ quan: Phòng khám chưa thường xuyên thực hiện tự kiểm tra, giám sát nội bộ; chưa kịp thời cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật, các hướng dẫn chuyên môn về y tế; một số bộ phận chưa cập nhật biểu mẫu, đơn thuốc, danh mục kỹ thuật và dữ liệu thanh toán bảo hiểm y tế kịp thời; kỹ năng sử dụng phần mềm HIS của một số nhân viên còn hạn chế.

4. Trách nhiệm

Người đứng đầu cơ sở KBCB là Giám đốc Công ty cổ phần Phòng khám đa khoa Đại Lộc, chịu trách nhiệm chung trong việc tổ chức, chỉ đạo, bảo đảm các điều kiện hoạt động của Phòng khám; khắc phục các tồn tại, hạn chế Đoàn thanh tra đã nêu ở trên để đảm bảo việc cung cấp dịch vụ KBCB đúng quy định.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của Phòng khám chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức, quản lý, kiểm tra hoạt động chuyên môn; kiểm soát việc thực hiện quy trình chuyên môn, kê đơn thuốc, sử dụng biểu mẫu, thực hiện danh mục kỹ thuật và kiểm soát nhiễm khuẩn.

Người phụ trách các bộ phận chuyên môn chịu trách nhiệm đối với các tồn tại thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách gồm phòng khám Nội, phòng khám Ngoại, phòng khám Sản, bộ phận bảo hiểm y tế, bộ phận kiểm soát nhiễm khuẩn, bộ phận công nghệ thông tin.

Người hành nghề tham gia vào quá trình KBCB và nhân viên khác có liên quan chịu trách nhiệm, nhiệm vụ được phân công đối với các tồn tại nêu trên.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG: Không.

V. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Yêu cầu Phòng khám đa khoa Đại Lộc

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hồ sơ pháp lý, hồ sơ nhân sự; phân loại, sắp xếp hồ sơ khoa học, cập nhật thường xuyên, bảo đảm thuận tiện cho công tác quản lý.

- Chỉ thực hiện danh mục kỹ thuật khi bảo đảm đầy đủ điều kiện nhân sự, cơ sở vật chất, thiết bị y tế và phạm vi hoạt động chuyên môn được phê duyệt;

khẩn trương hoàn thiện thủ tục điều chỉnh giảm danh mục kỹ thuật không đủ điều kiện hoặc không còn thực hiện trên thực tế.

- Thực hiện đúng biểu mẫu chuyên môn, bảng kê chi phí khám bệnh, phiếu thủ thuật, phiếu trả kết quả xét nghiệm, quy trình kỹ thuật; ghi đúng đơn vị chủ quản và thông tin của cơ sở theo mô hình tổ chức thực tế.

- Chấn chỉnh việc kê đơn thuốc; bảo đảm quy chế kê đơn theo Thông tư số 04/2022/TT-BYT.

- Tổ chức rà soát toàn bộ nguyên nhân bị từ chối thanh toán bảo hiểm y tế năm 2025 để kịp thời chấn chỉnh khắc phục tránh tái diễn. Cập nhật đầy đủ quy định mới của Bộ Y tế, Bảo hiểm xã hội. Bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng sử dụng phần mềm HIS, trích chuyển dữ liệu và khai thác Cổng tiếp nhận dữ liệu giám định bảo hiểm y tế cho nhân viên.

- Xây dựng Quy trình kiểm nhập thuốc để theo dõi, quản lý thuốc. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc kê đơn thuốc, bảo đảm đơn thuốc theo quy chế kê đơn của Bộ Y tế quy định.

- Tiếp tục duy trì nội kiểm xét nghiệm theo quy định; quan tâm bố trí kinh phí và từng bước thực hiện ngoại kiểm xét nghiệm nhằm nâng cao chất lượng xét nghiệm phục vụ công tác KBCB; phổ biến, cập nhật các quy định, hướng dẫn mới về kiểm soát nhiễm khuẩn cho nhân viên y tế đảm bảo yêu cầu duy trì theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 16/2018/TT-BYT ngày 20/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Tổ chức rút kinh nghiệm các cá nhân có liên quan đến các nội dung được nêu tại mục III.2 của Kết luận này và báo cáo kết quả thực hiện về Thanh tra tỉnh theo dõi, giám sát.

2. Đề nghị Sở Y tế tỉnh Quảng Trị

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, hậu kiểm; đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện các quy định pháp luật về công tác KBCB và thực hiện chính sách KBCB BHYT tại các cơ sở KBCB trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn các cơ sở KBCB trên địa bàn về quy định mới trong lĩnh vực KBCB và KBCB BHYT.

3. Đề nghị Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Trị

- Phối hợp với Sở Y tế tập huấn, hướng dẫn các cơ sở KBCB BHYT trên địa bàn tỉnh các quy định mới về thanh toán chi phí KBCB BHYT; cảnh báo các lỗi thường gặp trong chỉ định thuốc, dịch vụ kỹ thuật, nhập liệu và trích chuyển dữ liệu.

- Hướng dẫn phòng khám trong việc đối chiếu, giám định, phản hồi dữ liệu KBCB BHYT, bảo đảm quyền lợi của người tham gia bảo hiểm y tế và phòng ngừa các sai sót phát sinh.

4. Công khai Kết luận thanh tra

- Thanh tra tỉnh đăng tải công khai Kết luận thanh tra trên Trang thông tin điện tử của cơ quan theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 37 Luật Thanh tra năm 2025.

- Phòng khám đa khoa Đại Lộc công khai Kết luận thanh tra bằng hình thức niêm yết tại phòng khám theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 37 Luật Thanh tra năm 2025.

Trên đây là Kết luận thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật trong khám bệnh, chữa bệnh; khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế; công tác quản lý sử dụng thuốc, hóa chất, vắc xin và thiết bị y tế tại Phòng khám đa khoa Đại Lộc thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Sở Y tế. Yêu cầu Phòng khám thực hiện và báo cáo kết quả về Thanh tra tỉnh sau 30 ngày, kể từ ngày ban hành Kết luận này./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ; Cục X;
- UBND tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- UBKT Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo Thanh tra tỉnh;
- Sở Y tế; (Phối hợp)
- BHXH tỉnh;
- Phòng khám đa khoa Đại Lộc;
- Phòng GS, TĐ và XL sau thanh tra;
- Trang TTĐT Thanh tra tỉnh;
- Lưu: VT, VP, Hồ sơ Đoàn TT.

(Báo cáo)

CHÁNH THANH TRA



Nguyễn Hoài Nam



Phụ lục 1. Thông tin chung tình hình KBCB BHYT tại cơ sở
Bảng 1: Số liệu chung liên quan đến KBCB

Đơn vị tính: đồng.

Số TT	NỘI DUNG	Năm 2025	Quý I Năm 2026	Ghi chú
1.	Tổng số lượt KBCB	12.225	3.112	
	Tổng chi phí KBCB	2.245.458.836	613.692.890	
	Chi phí bình quân/lượt	183.677	197.202	
2.	Số thẻ KBCB BHYT ban đầu	3.000	3.000	
3.	Thông tin về tài chính			
	Số chi phí cơ sở đề nghị BHXH thanh toán	2.238.372.356	608.275.460	
	Số chi phí được cơ quan BHXH giám định và đồng ý thanh toán	2.234.869.147	Chưa quyết toán	
	Số chi phí đã được cơ quan BHXH thanh toán	2.090.000.000		
	Số tiền trong dự kiến chi chưa được cơ quan BHXH thanh toán	7.706.256		Cơ quan BHXH sẽ cân đối quyết toán bổ sung trong Quý II/2026
	Số tiền chưa được cơ quan BHXH thanh toán	137.162.891		
	Số tiền vượt dự kiến chi năm 2025 đã được cơ quan BHXH tỉnh và Sở Y tế rà soát, thẩm định, xác định đề nghị thanh toán	121.427.531		Thanh toán trước ngày 01/10/2026

**Bảng 2: Cơ cấu chi phí trong điều trị (ngoại trú).**

Số TT	NỘI DUNG	Năm 2025		Quý I năm 2026		Ghi chú
		Số tiền (đồng)	Tỷ lệ %	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ %	
A.	Cơ cấu chi phí trong điều trị ngoại trú	2.245.458.836	100%	613.692.890	100%	
1.	Số tiền khám bệnh	445.821.950	19,85%	113.551.500	18,5%	
2.	Số tiền thuốc, máu, chế phẩm máu	668.175.086	29,76%	186.513.590	30,4%	
3.	Số tiền dịch vụ CDHA, TDCN	634.042.500	28,23%	165.125.500	26,91%	
4.	Số tiền Xét nghiệm	485.593.400	21,63%	145.201.200	23,66%	
5	Số tiền TTPT	11.825.900	0,53%	3.301.100	0,53%	

**Bảng 3: Chi phí cận lâm sàng (CLS)***Đơn vị tính: đồng*

Số TT	NỘI DUNG	Năm 2025	Quý I năm 2026	Ghi chú
	Tổng số tiền chi phí CLS	1.081.890.500	299.593.600	
1	Số tiền chi phí xét nghiệm huyết học	173.230.600	41.934.000	
2	Số tiền chi phí xét nghiệm sinh hóa	312.362.800	103.267.200	
3	Số tiền chi phí đối với siêu âm	261.942.000	70.495.800	
4	Số tiền chi phí đối với chụp X-quang	334.355.100	83.896.600	



Phụ lục 2. Về tạm ứng và thanh toán chi phí KBCB BHYT hằng quý

Đơn vị: 1.000 đồng.

Thời kỳ	Báo cáo cơ sở KBCB đề nghị thanh toán		Số BHXH giám định và chấp nhận thanh toán	Tạm ứng		Thanh toán		
	Thời gian	Số chi phí		Số tiền	Thời gian	Số tiền	Thời gian thanh toán	Thời gian hoàn thành
Quý I/2025	Trước ngày 5/Quý	543.447,329	541.807,070	399.000	15/01/2025	142.000	30/05/2025	30/05/2025
Quý II/2025	Trước ngày 5/Quý	537.723,889	536.818,789	434.000	21/04/2025	103.000	04/09/2025	04/09/2025
Quý III/2025	Trước ngày 5/Quý	565.329,072	564.746,112	483.000	15/07/2025	0		
Quý IV/2025	Trước ngày 5/Quý	591.872,066	591.497,176	508.000	16/10/2025	21.000		
Cộng năm 2025		2.238.372,356	2.234.869,147	1.824.000		266.000		
Năm 2026								
Quý I/2026	Trước ngày 5 mùng 5 hàng quý	608.275,460		532.000	14/01/2026			



Phụ lục 3. Về từ chối thanh toán chi phí KBCB BHYT năm 2025 và Quý I 2026

Đơn vị: đồng

	Số từ chối thanh toán qua giám định trực tiếp		
Thời kỳ	Tổng số chi phí BHXH từ chối thanh toán	Số CSKBCB chấp nhận	Số CSKBCB không chấp nhận
Năm 2025			
Quý I/2025	1.640.260	1.640.260	
Quý II/2025	905.100	905.100	
Quý III/2025	652.500	652.500	
Quý IV/2025	374.890	374.890	
Cộng năm 2025	3.572.750	3.572.750	
Năm 2026			
Quý I/2026	Chưa quyết toán		
Tổng cộng			

